

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐; Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Phương trình vi phân và tích phân

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Hoàng Thế Tuấn

2. Ngày tháng năm sinh: 14/09/1983; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xuân Trúc, Ân Thi, Hưng Yên

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Xóm 3, Cù Tu, Xuân Trúc, Ân Thi, Hưng Yên

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Viện Toán học, Nhà A5, 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0986141521;

E-mail: httuan@math.ac.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 09,2008 đến tháng, năm 08,2011: Giảng viên (diện Tạo nguồn) tại Khoa Công nghệ Thông tin, Đại học Công nghệ-Đại học Quốc gia Hà Nội

Từ tháng, năm 09,2011 đến tháng, năm 10,2021: Nghiên cứu viên, nghiên cứu viên chính, trưởng phòng phương trình vi phân tại Viện Toán học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Từ tháng, năm 10,2017 đến tháng, năm 12,2017: Khách mời nghiên cứu tại Đại học Deakin, Úc

Từ tháng, năm 04,2018 đến tháng, năm 07,2018: Khách mời nghiên cứu tại Đại học Dresden, Đức

Từ tháng, năm 08,2018 đến tháng, năm 01,2019: Khách mời nghiên cứu tại Đại học Deakin, Úc

Từ tháng, năm 03,2019 đến tháng, năm 07,2019: Khách mời nghiên cứu tại Đại học Hoàng gia London, Anh

Từ tháng, năm 07,2020 đến tháng, năm 06,2021: Nghiên cứu viên (sau Tiến sỹ) tại Viện nghiên cứu cao cấp về

Toán

Chức vụ: Hiện nay: Nghiên cứu viên chính, trưởng phòng phương trình vi phân; Chức vụ cao nhất đã qua:

Trưởng phòng phương trình vi phân

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Toán học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Địa chỉ cơ quan: 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Viện Toán học, Trường Đại học Khoa học và Công nghệ, Học viện Khoa học và Công nghệ (Viện HL Khoa học và Công nghệ VN), Trường Đại học Công nghệ-Đại học QG Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Trường Đại học Sư phạm-Đại học Thái Nguyên.

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Viện Toán học, Trường Đại học Khoa học và Công nghệ, Học viện Khoa học và Công nghệ (Viện HL Khoa học và Công nghệ VN), Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Trường Đại học Sư phạm-Đại học Thái Nguyên.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 23 tháng 06 năm 2008, số văn bằng: QC 059435, ngành: Toán học, chuyên ngành: Toán học; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên-Đại học Quốc Gia Hà Nội

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 16 tháng 05 năm 2012, số văn bằng: QM 013498, ngành: Toán học, chuyên ngành: Toán giải tích; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên-Đại học Quốc gia Hà Nội

- Được cấp bằng TS [5] ngày 17 tháng 10 năm 2017, số văn bằng: 007166, ngành: Toán học, chuyên ngành: Phương trình vi phân và tích phân; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Viện Toán học-Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Viện Toán học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

-Lý thuyết định tính của phương trình vi phân bậc phân số.

-Một số tính chất nghiệm của các phương trình đạo hàm riêng với đạo hàm thời gian bậc phân số.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 2 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành 3 đề tài NCKH cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 24 bài báo khoa học, trong đó 22 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
Không có			

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và hoàn thành các nhiệm vụ của nhà giáo theo Luật Giáo dục và các quy định của nhà nước.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 8 năm.
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	

1	2010-2011					381.34		381.34/381.34/140
2	2015-2016					218		252/252/135
3	2016-2017					206		246/246/135
03 năm học cuối								
4	2018-2019				2		30	45/81/135
5	2019-2020			2			105	171/291/135
6	2021-2022					72	135	324/324/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Giảng dạy bằng tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội-Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Có chứng chỉ tiếng Anh B2

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Tổng Thu Trang		X	X		09/2019 đến 06/2020	Trường Đại học Sư phạm- Đại học Thái Nguyên	08/10/2020
2	Lê Thị Phương Thủy		X	X		09/2019 đến 06/2020	Trường Đại học Sư phạm- Đại học Thái Nguyên	08/10/2020

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)

Không có

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả	
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ						
1	Một số vấn đề chọn lọc của giải tích phân thứ và ứng dụng	CN	xxx, cấp Cơ sở	01/03/2017 đến 18/08/2017	18/08/2017	
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ						
2	Một số vấn đề chọn lọc của giải tích phân thứ và ứng dụng	CN	xxx, cấp Cơ sở	01/02/2018 đến 14/11/2018	14/11/2018	
3	Nghiên cứu tính chất tiệm cận nghiệm cho các phương trình vi phân nhiều cấp phân thứ	CN	xxx, cấp Cơ sở	15/02/2019 đến 16/12/2019	16/12/2019	

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	On stable manifolds for planar fractional differential equations	4	Có	Applied Mathematics and Computation	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <i>IF: 4.091</i>	26	226, 1, 157-168	01/2014
2	On fractional Lyapunov exponent for solutions of linear fractional differential equations	3	Có	Fractional Calculus and Applied Analysis	Tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao - SCIE <i>IF: 3.126</i>	12	17, 2, 285-306	03/2014
3	Structure of the fractional Lyapunov spectrum for linear fractional differential equations	4	Không	Advances in Dynamical Systems and Applications			9, 2, 149-159	05/2014

4	Linearized asymptotic stability for fractional differential equations	4	Có	Electronic Journal of Qualitative Theory of Differential Equations	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <i>IF: 1.874</i>	20	2016, 39, 1-13	06/2016
5	On stable manifolds for fractional differential equations in high-dimensional spaces	4	Có	Nonlinear Dynamics	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <i>IF: 5.022</i>	9	86 1885-1894	12/2016
6	An instability theorem for nonlinear fractional differential systems	4	Có	Discrete and Continuous Dynamical Systems - Series B	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <i>IF: 1.327</i>	4	22, 8, 3079-3090	10/2017
7	A Perron-type theorem for fractional differential systems	3	Có	Electronic Journal of Differential Equations	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <i>IF: 0.52</i>	1	2017, 142, 1-12	06/2017
8	Existence, uniqueness and exponential boundedness of global solutions to delay fractional differential equations	2	Có	Mediterranean Journal of Mathematics	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <i>IF: 1.4</i>	14	14, 193, 1-12	08/2017

Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
9	Asymptotic behavior of solutions of linear multi-order fractional differential systems	3	Có	Fractional Calculus and Applied Analysis	Tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao - SCIE <i>IF: 3.126</i>	15	20, 5, 1165-1195	10/2017
10	Generation of nonlocal fractional dynamical systems by fractional differential equations	2	Có	Journal of Integral Equations and Applications	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <i>IF: 0.974</i>	9	29, 4, 585-608	11/2017
11	Asymptotic stability of linear fractional systems with constant coefficients and small time dependent perturbations	3	Có	Vietnam Journal of Mathematics	Tạp chí quốc tế uy tín - Scopus	7	46, 3, 665-680	02/2018

12	A linearized stability theorem for nonlinear delay fractional differential equations	2	Có	IEEE Transactions on Automatic Control	Tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao - SCIE <i>IF: 5.792</i>	13	63, 9, 3180-3186	09/2018
13	Asymptotic separation between solutions of Caputo fractional stochastic differential equations	4	Có	Stochastic Analysis and Applications	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <i>IF: 1.53</i>	13	36, 4, 654-664	02/2018
14	Stability of fractional-order nonlinear systems by Lyapunov direct method	2	Có	IET Control Theory and Applications	Tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao - SCIE <i>IF: 3.343</i>	31	12, 17, 2417-2422	11/2018
15	Global attractivity for some classes of Riemann-Liouville fractional differential systems	4	Có	Journal of Integral Equations and Applications	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <i>IF: 0.974</i>	3	31, 2, 265-282	10/2019

16	A lower bound on the separation between two solutions of a scalar Riemann-Liouville fractional differential equation	4	Có	AIP Conference Proceedings			2116 1-4	07/2019
17	On asymptotic properties of solutions to fractional differential equations	3	Có	Journal of Mathematical Analysis and Applications	Tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao - SCIE <i>IF: 1.583</i>	6	484, 2	04/2020
18	Stability of scalar nonlinear fractional differential equations with linearly dominated delay	2	Có	Fractional Calculus and Applied Analysis	Tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao - SCIE <i>IF: 3.126</i>	2	23, 1, 250-267	02/2020

19	Global attractivity and asymptotic stability of mixed-order fractional systems	2	Có	IET Control Theory and Applications	Tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao - SCIE <i>IF: 3.343</i>	1	14, 9, 1240-1245	06/2020
20	A qualitative theory of time delay nonlinear fractional-order systems	2	Có	SIAM Journal on Control and Optimization	Tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao - SCIE <i>IF: 2.07</i>	1	58, 3, 1491-1518	06/2020
21	On the asymptotic behavior of solutions to time-fractional elliptic equations driven by a multiplicative white noise	1	Có	Discrete and Continuous Dynamical Systems - Series B	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <i>IF: 1.327</i>		26, 3, 1749-1762	03/2021

22	On the existence and uniqueness of weak solutions to time-fractional elliptic equations with time-dependent variable coefficients	1	Có	Proceedings of the American Mathematical Society	Tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao - SCIE <i>IF: 0.97</i>		149, 6, 2597-2608	06/2021
23	Positivity and stability of mixed fractional order systems with unbounded delays: Necessary and sufficient conditions	3	Có	International Journal of Robust and Nonlinear Control	Tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao - SCIE <i>IF: 4.406</i>		31, 1, 37-50	01/2021
24	An analysis of solutions to fractional neutral differential equations with delay	3	Có	Communications in Nonlinear Science and Numerical Simulation	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <i>IF: 4.26</i>		100 1-14	09/2021

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 15 ([9] [10] [11] [12] [13] [14] [15] [17] [18] [19] [20] [21] [22] [23] [24])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà U.V là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò U.V (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (U'V PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu): Thiếu 30 giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp năm 2018-2019

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu): Thiếu 54 giờ giảng dạy năm 2018-2019

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (U'V chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (U'V chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (U'V chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (U'V chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc U'V không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc U'V không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

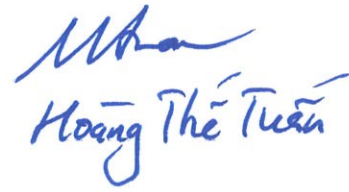
C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hung Yên, ngày 14 tháng 10 năm 2021

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)


Hoàng Thế Tiến